

TP.HCM, ngày tháng 4 năm 2021

BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD 2020 & KẾ HOẠCH SXKD 2021
(Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021)

I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2020

1. Thực hiện nhiệm vụ kế hoạch và chỉ tiêu

1.1 Các chỉ tiêu chung

- Doanh thu đạt 116,56 tỷ đồng, tăng 2,6% so với kế hoạch (trong đó doanh thu ngoài công ích đạt 16,62 tỷ).
- Tỷ trọng doanh thu ngoài công ích so với tổng doanh thu đạt 14,14%.
- Lợi nhuận: + Trước thuế: 7,087 tỷ, tăng 9,4% so với kế hoạch.
+ Sau thuế: 6,080 tỷ, tăng 12,6% so với kế hoạch.
- Thu nhập bình quân: 12,7 triệu đồng/người/tháng. Tăng 1,6% so với năm 2019 bằng kế hoạch đầu năm).
- Cổ tức: dự kiến trả tỷ lệ cổ tức/cổ phần 12%, bằng kế hoạch đầu năm.

1.2 Kế hoạch SCTX, định kỳ

a) Khối lượng: Hoàn thành 100% kế hoạch sửa chữa thường xuyên kết cấu hạ tầng đường sắt. Tổng khối lượng sản phẩm thực hiện (chi tiết xem Khoản I mục 1 Phụ lục)

b) Doanh thu:

- QL, BDTX KCHT đường sắt : 100,055 tỷ đồng
- Tỷ lệ thực hiện so với kế hoạch năm 2020 : 107,3%
- Tỷ lệ thực hiện so với cùng kỳ năm 2019 : Tăng 5,8%

c) Kiến trúc (SCTSCĐ nhóm II): Thực hiện và hoàn thành các công trình: Sửa chữa cải tạo khu vực sân Cơ quan Công ty, nhà Cung TTTH Trảng Bom, nhà chốt Sông Phan, nhà chốt Suối Vận, Nhà thiết bị 6502 Sông Mao, Sông Lòng Sông, Châu Hanh, mái che khu vực XNTH, nhà làm việc La Hai, Hào Sơn, Tuy Hòa, nhà thiết bị 6502 Ngã Ba với tổng kinh phí: 1.101.682.959 đồng

d) Đầu tư tài sản:

- Đã thực hiện mua phương tiện vận tải (ô tô 5 chỗ) từ nguồn vốn KHTSCĐ & ĐTPT của Công ty.
- Đang thực hiện các thủ tục xây dựng xưởng TTTH Hiệp Bình Phước: Tại địa chỉ Quốc lộ 13, P.Hiệp Bình Chánh, Q. Thủ Đức, TP. HCM (vốn KHTSCĐ và ĐTPT của Công ty).

1.3 Công trình kinh doanh, dịch vụ: Doanh thu 16,62 tỷ đồng, giảm 84% so cùng kỳ (103,06 tỷ).

a) Công trình: Thực hiện 12 công trình và hạng mục với doanh thu: 11,74 tỷ đồng (chi tiết xem Khoản I mục 3.1 Phụ lục).

b) Dịch vụ: doanh thu 4,88 tỷ đồng (chi tiết xem Khoản I mục 3.2 Phụ lục).

2. Công tác kỹ thuật – an toàn

2.1 Thực hiện hoàn thành & vượt các chỉ tiêu Kỹ thuật chất lượng

- Chất lượng duy tu thiết bị đạt: 99,63%, tăng 0,13% so với năm 2019 (chỉ tiêu $\geq 98,5\%$).

- Hiệu suất thiết bị thông tin tín hiệu đạt: 99,70%, tăng 0,25% so với năm 2019 (chỉ tiêu $\geq 99\%$), trong đó: HSKT^{TT} đạt: 99,81%, tăng 0,15% so với năm 2019 (chỉ tiêu $\geq 99\%$); HSKTTH đạt: 99,55%, giảm 0,15% so với năm 2019 (chỉ tiêu $\geq 99\%$); hiệu suất quản lý đạt: 99,73%, tăng 0,51% so với năm 2019. Cụ thể:

Trong năm 2020, toàn Công ty:

- Đường dây và thiết bị thông tin:

+ Gián đoạn thông tin : 01 vụ (tăng 01 vụ so với năm 2019)

+ Hư hỏng thiết bị: 18 vụ, (giảm 32 so với năm 2019)

- Thiết bị tín hiệu:

+ Chậm tàu: 02 vụ 28 phút, tăng 02 vụ và tăng 28 phút so với năm 2019 (chỉ tiêu ≤ 3 vụ, < 90 phút)

+ Phiếu đường: 01 phiếu, giảm 16 phiếu so với năm 2019

+ Độ ổn định ĐN CBTĐ: 100%, bằng so với năm 2019 (chỉ tiêu >99,95%)

+ Hư hỏng thiết bị: 60 vụ (giảm 32 vụ so với năm 2019)

(Chi tiết xem Khoản I mục 4 Phụ lục).

2.2 Thực hiện các chủ trương kỹ thuật

- Xây dựng và thực hiện tốt công tác đảm bảo trật tự ATCT, ATGTĐS, ANTT, PCCN trong dịp Tết Dương lịch, Tết nguyên đán Canh Tý và Lễ hội Xuân năm 2020, Giỗ tổ Hùng Vương, Lễ 30/4 và 01/5, Lễ Quốc khánh 02/9;

- Thực hiện Chỉ thị 01/CT-ĐS ngày 02/01/2020 của Tổng Công ty ĐSVN về công tác đảm bảo trật tự giao thông vận tải ĐS năm 2020; Kế hoạch hành động số 51/KH-TTSG ngày 22/01/2020 của Công ty về Năm kỷ luật, kỷ cương trong công tác đảm bảo ATGTĐS năm 2020;

- Xây dựng, triển khai thực hiện tốt 03 chương trình kỹ thuật trọng tâm năm 2020:

+ Quản lý, hoạt động tốt thiết bị TTTH đường ngang cảnh báo tự động.

+ Ứng dụng KHCN trong quản lý thiết bị TTTH.

+ Củng cố chất lượng cơ khí đường dây thông tin.

- Hoàn thành kế hoạch nghiên cứu ứng dụng KHCN và sáng kiến hợp lý hóa sản xuất năm 2020; Thực hiện 01 đề tài KHCN cấp Tổng công ty, 01 đề tài KHCN cấp Công ty, xét duyệt 48 sáng kiến hợp lý hóa sản xuất, kinh phí 74,9 triệu đồng;

- Thực hiện tốt phương án phòng chống lụt, bão; ứng phó sự cố thiên tai và cứu nạn năm 2020 (theo Phương án số 173/PA-TTSG ngày 20/3/2020) trong mùa bão lũ; Tập trung chỉ đạo cứu chữa, khắc phục thiệt hại đường dây trần, cáp TTTH, cáp quang do bão số 9, 12 gây ra;

- Thực hiện công tác kiểm tra các cấp, bảo trì đảm bảo chất lượng, nâng cao công tác quản lý thiết bị thông tin tín hiệu ga, đường ngang có gác và đường ngang CBTD. Đặc biệt là thiết bị ghi động cơ điện và ĐNCBTĐ;
- Thực hiện các nội dung về hành lang an toàn thiết bị TTTH (đảm bảo an toàn thiết bị, hồ sơ quản lý...); Phối hợp với các đối tác viễn thông tổ chức phát quang dọc tuyến đường dây trần thông tin phòng chống cháy trong mùa khô;
- Chủ động phối hợp với các đoàn kiểm tra công tác đảm bảo ATGTĐS của Cục ĐSVN, Tổng Cty ĐSVN, địa phương;
- Xây dựng chương trình, tổ chức Hội nghị an toàn chạy tàu và giảm sự cố, trở ngại thiết bị TTTH năm 2020;
- Tổ quản trị, giám sát tập trung thiết bị TTTH tiếp tục được duy trì và đạt hiệu quả cao trong việc sử dụng camera giám sát hình ảnh tập trung, phần mềm giám sát từ xa ĐNCBTĐ; giám sát mạng truyền dẫn SDH, trao đổi thông tin nội bộ đảm bảo độ hoạt động ổn định ĐNCBTĐ, thiết bị TTTH;
- Điều tra trạng thái kỹ thuật và khối lượng bảo trì phục vụ lập kế hoạch dự toán chi ngân sách để quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia năm 2021 theo Đề cương của Tổng công ty ĐSVN;
- Phối với các Công ty tư vấn thiết kế, các đơn vị thẩm tra, thẩm định để khảo sát, xây dựng phương án, khối lượng các công trình TTTH thuộc dự án 7.000 tỷ (di dời thiết bị TTTH để cải tạo hầm (01 hầm), cầu yếu (21 cầu), kéo dài đường, lập ga mới, cải tạo ga...); Phối hợp các đơn vị thi công các công trình, đảm bảo an toàn thiết bị và an toàn chạy tàu;
- Thực hiện bàn giao trạm biến áp các ga thuộc dự án HĐH TTTH đoạn Vinh-Sài Gòn tuyến đường sắt Thống Nhất, giai đoạn I (08 trạm thuộc tỉnh Khánh Hòa; Tổng cộng: đã bàn giao 16/18 trạm);
- Thực hiện tốt vai trò quản lý khi các đơn vị trong và ngoài ngành thực hiện thi công các dự án hạ tầng đường sắt, chủ động phối hợp xử lý, khắc phục hậu quả các vụ việc tai nạn chạy tàu (03 vụ, trong đó có 01 vụ liên quan đến hư hỏng thiết bị TTTH).
- Thực hiện bảo trì, ứng cứu, xử lý sự cố tuyến cáp quang CMC Telecom theo Hợp đồng 0108/2019/CMC-VNRSG; Thống nhất phối hợp giải quyết các vấn đề có liên quan SCTV, Viettel, HTC, FPT, CMC ...

II. KẾ HOẠCH SXKD VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2021

1. Kế hoạch Sản xuất kinh doanh:

1.1 Chỉ tiêu kinh tế xã hội (dự kiến):

- Doanh thu đạt 128,533 tỷ đồng (tăng 10% so với thực hiện 2020). Tỷ trọng doanh thu ngoài công ích so với tổng doanh thu là 20,5%
- Lợi nhuận: +Trước thuế: 7,087 tỷ (tăng 9,4% so với kế hoạch năm 2020)
+ Sau thuế: 5,67 tỷ; giảm 7% so với thực hiện 2020 (Năm 2020 các doanh nghiệp có doanh thu < 200 tỷ đồng, được Chính phủ hỗ trợ giảm 30% thuế TNDN theo chủ trương Nghị định 114/2020/NĐCP ngày 25/09/2020 và số yếu tố chi phí tăng cao so với năm 2020: tiền thuế, thuê đất; chế độ BHXH, YT, TN cho người lao động; lãi vay ngân hàng phục vụ nhiệm vụ BDTX (chậm ký HĐ) và thực hiện các công trình thuộc dự án 7000 tỷ...)
- Cổ tức : $\geq 11\%$

1.2 Chỉ tiêu chất lượng kỹ thuật

- Đảm bảo ATCT, ATLĐ, PCCN 100%
- Chất lượng duy tu thiết bị > 98,50%, phần đầu lớn hơn hoặc bằng năm 2020 ($\geq 99,63\%$).
- Hiệu suất khai thác thiết bị > 99,00%, phần đầu lớn hơn hoặc bằng năm 2020 ($\geq 99,70\%$).
- Độ ổn định ĐN CBTD > 99,95%, phần đầu bằng năm 2020 (100%).
- Sự cố gây chậm tàu: ≤ 3 vụ, thời gian < 90 phút (mỗi XN ≤ 1 vụ, thời gian < 30 phút), phần đầu giảm tối đa trở ngại gây chậm tàu, không liên quan tới các vụ tai nạn chạy tàu do chủ quan gây ra.

2. Nhiệm vụ kế hoạch

2.1. Kế hoạch QLBDTX KCHT đường sắt

a) Khối lượng danh mục sản phẩm.

- Hệ thống truyền tải: 1.136,837 Km/Tr
- Trạm tổng đài: 200,629 Trạm
- Tín hiệu ra vào ga: 1.819,295 Hệ
- Thiết bị khống chế: 382,220 Bộ
- Thiết bị điều khiển: 2.353,745 Đài
- Cấp tín hiệu: 1.461,842 Km/sợi
- Thiết bị nguồn điện: 50,728 Cung

b) Sản lượng quản lý bảo dưỡng thường xuyên **112,261** tỷ đồng, doanh thu **102,056** tỷ đồng (tăng **2%** so với kế hoạch năm 2020).

2.2. Kế hoạch công trình SXKD, dịch vụ : 26,477 tỷ đồng tỷ.

a) Công trình SXKD: Thực hiện 06 công trình và hạng mục với doanh thu dự kiến 22,037 tỷ đồng (*chi tiết xem Khoản II mục 1 Phụ lục*).

b) Hoạt động kinh doanh, dịch vụ: doanh thu dự kiến 4,44 tỷ đồng (*chi tiết xem Khoản II mục 2 Phụ lục*).

- Đẩy mạnh rà soát, tiếp tục hợp tác các khu vực nhà đất, thiết bị của Công ty đạt hiệu quả.

- Khai thác hiệu quả mặt bằng nhà Cơ quan Công ty, các XN (tổ chức hợp tác kinh doanh khu nhà làm việc XNSG).

- Quan tâm dịch vụ khai thác ĐTĐB: cước phí, lắp đặt máy ĐT; mặt bằng; dịch vụ phòng máy ...

2.3. Công trình đầu tư

a) Theo các dự án của Bộ GTVT:

- Tập trung thực hiện các Dự án cải tạo, nâng cấp các công trình thiết yếu trên tuyến đường sắt Hà Nội – TP.Hồ Chí Minh thuộc gói 7000 tỷ.

- Các gói thầu, dự án nâng cấp cải tạo sửa chữa đường ngang theo Quyết định 994/QĐ-TTg.

b) Theo các dự án của Tổng công ty ĐSVN:

Kế hoạch đầu tư trong năm 2021: chủ yếu tập trung thực hiện các dự án cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng ĐS theo kế hoạch đầu tư phát triển 5 năm giai đoạn 2017 – 2021 của Tổng Công ty ĐSVN

c) Theo các nguồn vốn của Công ty:

- Xây dựng xưởng TTTH Hiệp Bình Phước tại địa chỉ QL13, phường HBP, quận Thủ Đức, Tp.HCM (công trình chuyển tiếp năm 2020 hợp tác với đối tác, từ nguồn vốn KHTSCĐ, ĐTPT của Công ty).

- Nâng cấp, sửa chữa cải tạo nhà xe, phương tiện, thiết bị (vốn KHTSCĐ của Công ty).

3. Công tác Kỹ thuật - an toàn

- Tập trung duy trì tốt các nội dung về duy tu bảo dưỡng, thực chất công tác kiểm tra, giám sát thiết bị các cấp đảm bảo ATCT, hạn chế hư hỏng, trở ngại thiết bị, phần đầu giảm tối đa trở ngại gây chậm tàu; đảm bảo hoàn thành và vượt các chỉ tiêu kỹ thuật năm 2021.

- Xây dựng và thực hiện 02 kế hoạch, chương trình kỹ thuật trọng tâm năm 2021:

+ Nâng cao hiệu quả quản lý, đảm bảo chất lượng, độ hoạt động ổn định đường ngang cảnh báo tự động;

+ Củng cố hệ thống thông tin tín hiệu chạy tàu các ga.

- Kiểm tra, xử lý suy hao, củng cố đường cáp, mốc cáp, bệ cáp... đảm bảo chất lượng hiệu quả khai thác tuyến cáp quang đường sắt để đáp ứng yêu cầu SXKD và hợp tác với đối tác;

- Tiếp tục xử lý chất lượng cơ khí, điện khí đôi 2, 3 đường dây trần đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật sử dụng làm dự phòng đóng đường;

- Kiểm tra, đo đạc để xử lý, sửa chữa các tồn tại hệ thống tiếp đất, chống sét không đạt tiêu chuẩn kỹ thuật;

- Xây dựng và triển khai thực hiện phương án phòng chống lụt bão, ứng phó sự cố thiên tai và cứu nạn năm 2021;

- Điều tra, khảo sát, thiết kế, lập phương án kỹ thuật giám sát các công trình trong và ngoài ngành đáp ứng yêu cầu.

- Cập nhật, bổ sung khối lượng, hồ sơ quản lý kỹ thuật các thiết bị thay thế, sửa chữa, xây dựng mới năm 2021;

- Thực hiện tốt vai trò quản lý bảo trì thiết bị TTTH đảm bảo ATCT, thiết bị hoạt động ổn định khi thi công các dự án công trình (đặc biệt là dự án 7.000 tỷ);

- Kiểm tra, phối hợp thực hiện Nghị định số 65/2018/NĐ-CP và Quy chế phối hợp giữa Bộ GTVT và UBND các tỉnh, thành phố, xử lý đảm bảo tầm nhìn các hệ tín hiệu và hành lang an toàn thiết bị TTTH; lập hồ sơ quản lý và kế hoạch đảm bảo hành lang an toàn giao thông đường sắt;

- Thực hiện 1 đề tài KHCN cấp Tổng công ty ĐSVN, 1-2 đề tài cấp Công ty và các sáng kiến hợp lý hóa sản xuất;

- Tổ chức tốt hoạt động của Tổ quản trị, giám sát tập trung thiết bị TTTH nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng camera giám sát hình ảnh tập trung, phần mềm giám sát từ xa ĐNCBTĐ; Nâng cấp đường truyền cáp quang cho các đường ngang CBTĐ đang sử dụng sóng 3G không ổn định bằng đường truyền FTTH ;

- Tiếp tục liên hệ Tổng công ty ĐSVN, điện lực địa phương (Bình Định, Phú Yên) làm các thủ tục để thực hiện sửa chữa và bàn giao trạm biến áp thuộc dự án HĐH TTTH đoạn Vinh - Sài Gòn tuyến đường sắt Thống Nhất, giai đoạn I (02 trạm: Ninh Hòa, Vân Canh);

- Thống nhất phối hợp giải quyết tốt các vấn đề có liên quan SCTV, Viettel, HTC, FPT, CMC.

4. Các giải pháp thực hiện chủ yếu

Đề phân đầu thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch SXKD và kế hoạch đầu tư phát triển năm 2021. Công ty xác định một số giải pháp trọng tâm sau:

- Xem xét, điều chỉnh tổ chức sản xuất phù hợp (sắp xếp lại tổ quản trị giám sát, các Cung TTTH); thực hiện tốt các nội dung về quy hoạch, luân chuyển, điều động, bổ nhiệm cán bộ; bổ sung, điều chỉnh cơ cấu lao động đảm bảo lao động đầy đủ, chất lượng; xây dựng các quy định, quy chế cần thiết để thúc đẩy SXKD.

- Xây dựng các kế hoạch BDTX, SXKD dịch vụ, tổ chức điều hành kiên quyết và thường xuyên kiểm soát chặt chẽ để việc thực hiện theo đúng Quy định, Quy chế.

- Tập trung tạo mọi nguồn lực (tài chính và lao động) thực hiện các dự án công trình đảm bảo tiến độ, chất lượng và hiệu quả (trong đó trọng tâm thuộc dự án 7.000 tỷ), các công trình sửa chữa KCHTĐS, các dự án với địa phương...

- Rà soát, điều chỉnh các định mức chi phí trực tiếp trong thi công công trình; đẩy nhanh tiến độ thi công các dự án, công trình; nghiệm thu ngay và hoàn tất các thủ tục thanh toán, thu hồi vốn khi công trình xây dựng hoàn thành. Tăng cường công tác kiểm soát, thu hồi công nợ, không để phát sinh nợ tồn đọng, nợ quá hạn, nợ khó đòi, đảm bảo an toàn tài chính.

- Phát huy tính thực chất của hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015 phần mềm quản trị toàn diện, làm cho hệ thống này là công cụ, phương tiện hoạt động, quản trị hỗ trợ mạnh mẽ SXKD và khẳng định thương hiệu Công ty.

- Cải thiện đời sống vật chất và tinh thần cho CBCNV; xây dựng thực hiện chính sách lương, thưởng và các chế độ đảm bảo đúng qui định, công bằng, công khai, gắn với hiệu quả và chất lượng công việc nhằm tạo động lực để người lao động phát huy sáng tạo trong công việc. Tổ chức các phong trào văn hóa, thể thao đáp ứng nhu cầu tinh thần của người lao động trong Công ty, thực hiện đúng Nội quy lao động và Thỏa ước lao động tập thể. Tiếp tục quan tâm nâng cao cơ sở vật chất của Công ty.

- Phát động các phong trào thi đua hiệu quả; có cơ chế khen thưởng kịp thời cho các tập thể, cá nhân có thành tích mang lại lợi ích cho Công ty cũng như xử lý thích đáng các vi phạm.

- Giữ vững đoàn kết, mối quan hệ, sự phối hợp chặt chẽ hiệu quả trong lãnh đạo chuyên môn; giữa các phòng, xí nghiệp; giữa chuyên môn và các đoàn thể dưới sự lãnh đạo thống nhất của Đảng ủy Công ty.

- Nâng cao chất lượng chuyên môn nghiệp vụ và hiểu biết pháp luật ở từng vị trí công tác; siết chặt kỷ cương, nề nếp. Thực hiện nghiêm mệnh lệnh sản xuất, hài hòa trong quan hệ công việc, sinh hoạt. Thực hiện phương châm “chuyên nghiệp, hiệu quả và phát triển bền vững”. Tiếp tục thực hiện phân cấp, phân quyền đi đôi với việc kiểm tra, giám sát chặt chẽ để đảm bảo đúng các chế độ quy định, quy chế.

- Tiếp tục chủ động, quyết liệt thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch bệnh COVID-19.

- Tăng cường điều tra, tiếp thị, thực hiện chính sách hợp lý trong duy trì và phát triển khách hàng đối với sản xuất kinh doanh dịch vụ ngoài công ích.

- Tiếp tục quan tâm quyết liệt bám để hoàn thiện các thủ tục pháp lý nhà, đất của Công ty và hợp tác, khai thác hiệu quả (khu Hiệp Bình Chánh, hiệp Bình Phước, đường Nguyễn thông...).

- - Xây dựng mở rộng các mối quan hệ với địa phương, các đối tác và tranh thủ sự quan tâm, tạo điều kiện của Tổng công ty ĐSVN, Cục ĐSVN, Bộ GTVT và UBQLVNN.

- Tiết kiệm trong tất cả các chi phí, đảm bảo chi đúng tiêu chuẩn, đúng định mức, đúng mục đích. Giảm tối đa chi phí hội họp, đi công tác, mua sắm trang thiết bị văn phòng, quảng cáo, điện, điện thoại, văn phòng phẩm, xăng dầu... góp phần giảm chi phí sản xuất.

Nơi nhận:

- Cổ đông (Website);
- Chủ tịch, các TV HĐQT;
- Giám đốc, các Phó GD;
- Trưởng Ban KS;
- Các phòng, các XN,
- Lưu KHVT, VT.

} mạng }



Phạm Văn Dũng



PHỤ LỤC

I. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu năm 2020

1. Về khối lượng sản phẩm:

| | | |
|-----------------------|---------------------|----------------|
| - Hệ thống truyền tải | : 1.136,837 Km/Tr, | đạt tỷ lệ 100% |
| - Trạm tổng đài | : 200,629 Trạm, | đạt tỷ lệ 100% |
| - Tín hiệu ra vào ga | : 1.819,295 Hệ, | đạt tỷ lệ 100% |
| - Thiết bị khống chế | : 382,220 Bộ, | đạt tỷ lệ 100% |
| - Thiết bị điều khiển | : 2.353,745 Đài, | đạt tỷ lệ 100% |
| - Cấp tín hiệu | : 1.461,842 Km/sợi, | đạt tỷ lệ 100% |
| - Thiết bị nguồn điện | : 50,728 Cung, | đạt tỷ lệ 100% |

2. Về chi phí sản xuất:

| | |
|--|-----------------------|
| - Lương, phụ cấp | : 45.919.404.789 đồng |
| - Vật liệu, nhiên liệu, điện lực, dịch vụ thuê ngoài | : 25.512.428.364 đồng |
| - Chi phí chung | : 22.959.702.394 đồng |
| - Thu nhập chịu thuế tính trước | : 5.663.492.133 đồng |
| - Thuế VAT | : 10.005.502.768 đồng |

3. Các công trình SXKD, dịch vụ: 16,62 tỷ đồng

3.1 Các công trình kinh doanh: 11,74 tỷ đồng

| STT | Công trình |
|-----|--|
| 1 | Thi công hạng mục: Phòng chống ảnh hưởng của đường dây điện lực sang hệ thống thông tin tín hiệu đường sắt thuộc gói thầu TU-W06: Xây lắp đường dây – Dự án: Trạm biến áp 500KV Tân Uyên và đầu nối. |
| 2 | Di dời hệ thống TTTH ĐS – Dự án đầu tư xây dựng công trình mở rộng Quốc lộ 1A tỉnh Khánh Hòa. |
| 3 | Di dời hệ thống TTTH tại đường ngang Km 1686+090 – Dự án Tuyến chống ùn tắc Quốc lộ 1A |
| 4 | Khối lượng hoàn thành đợt 1 Gói thầu 01XL: Di dời hệ thống TTTH ĐS – Dự án: Nút giao thông khác mức đường Hùng Vương – Quốc lộ 1 |
| 5 | Gói thầu số 01XL: Di dời hệ thống TTTH ĐS – Dự án Nút giao thông khác mức đường số 2 khu đô thị Nam thành phố Tuy Hòa – Nguyễn Văn Linh |
| 6 | Gói thầu số 39B: Thi công di chuyển hệ thống TTTH, cấp quang 04 cầu thuộc gói thầu số 16 – Dự án: Cải tạo, nâng cấp tải trọng các cầu yếu còn lại trên tuyến đường sắt Hà Nội – Tp. Hồ Chí Minh |
| 7 | Khảo sát, lập báo cáo Kinh tế KTTC và thi công XL Phòng chống nhiễu đường dây điện lực sang TTTH ĐS tại Km 1446+740 |
| 8 | Lắp đặt di dời máy điện thoại 04 số từ 136 Hàm Nghi sang 75 Huỳnh Thúc Kháng |
| 9 | Tuần tra, bảo trì, sửa chữa sự cố tuyến cáp quang CVCS Phù Cát – HCM |
| 10 | Xây dựng đường ngang có thời hạn tại Km 1267+420, tuyến đường sắt Hà Nội – Tp. Hồ Chí Minh – Phần thông tin tín hiệu |
| 11 | Gói thầu số 04XL: Thi công xây lắp toàn bộ đoạn Km2+800 – Km 4+565,47 thuộc dự án: Tuyến nối Quốc lộ 1A (Đông Mỹ) đến khu công nghiệp Hòa Hiệp – Giai đoạn 1) – Hạng mục: Thông tin tín hiệu |
| 12 | Di dời hệ thống TTTH ĐS tại nút giao Quốc lộ 1C với Quốc lộ 1A – Dự án: Xây dựng 2 cầu vượt trên Quốc lộ 1A tại các nút giao với Quốc lộ 1C và nút giao Ngã Ba Thành, tỉnh Khánh Hòa |

3.2 Doanh thu Kinh doanh, Dịch vụ: 4,88 tỷ đồng

| STT | Dịch vụ |
|-----|---|
| 1 | Dịch vụ phòng máy SCTV, HTC, VTC, CMC |
| 2 | Viễn thông Phú Yên - XD mạng phòng chống bão lũ |
| 3 | Dịch vụ cước phí điện thoại |
| 4 | Dịch vụ hợp tác kinh doanh mặt bằng |
| 5 | Dịch vụ điện nước dùng chung |

4. Các chỉ tiêu kỹ thuật

| TT | Tên sản phẩm | Sài Gòn | Thuận Hải | Phú Khánh | Công ty |
|------------|----------------------------|--------------|--------------|--------------|--------------|
| I | Chất lượng duy tu | 99.46 | 99.71 | 99.71 | 99.63 |
| 1 | Đường truyền tải | 99.29 | 99.6 | 99.80 | 99.55 |
| 2 | Trạm & Tổng đài | 99.90 | 100.00 | 99.83 | 99.91 |
| 3 | Tín hiệu ra, vào ga | 99.50 | 99.81 | 99.83 | 99.71 |
| 4 | Thiết bị khống chế | 98.90 | 99.05 | 99.09 | 99.01 |
| 5 | Thiết bị điều khiển | 99.31 | 99.73 | 99.70 | 99.58 |
| 6 | Cáp tín hiệu | 99.55 | 99.87 | 99.79 | 99.74 |
| 7 | Thiết bị nguồn điện | 99.78 | 99.97 | 99.93 | 99.89 |
| II | Hiệu suất TBTT | 99.71 | 99.96 | 99.64 | 99.77 |
| | Hiệu suất TBTH | 99.24 | 99.88 | 99.81 | 99.64 |
| 1 | Hiệu suất quản lý | 99.60 | 99.93 | 99.67 | 99.73 |
| 2 | Hiệu suất KTTT | 99.83 | 100.00 | 99.61 | 99.81 |
| 3 | Hiệu suất KTTH | 98.87 | 99.83 | 99.95 | 99.55 |
| III | Chất lượng thiết bị | 99.41 | 99.81 | 99.73 | 99.65 |
| 1 | Đường truyền tải | 99.50 | 99.76 | 99.72 | 99.66 |
| 2 | Trạm & Tổng đài | 99.80 | 99.98 | 99.74 | 99.84 |
| 3 | Tín hiệu ra, vào ga | 99.37 | 99.85 | 99.82 | 99.68 |
| 4 | Thiết bị khống chế | 99.07 | 99.47 | 99.45 | 99.33 |
| 5 | Thiết bị điều khiển | 99.27 | 99.80 | 99.75 | 99.61 |
| 6 | Cáp tín hiệu | 99.39 | 99.87 | 99.80 | 99.69 |
| 7 | Thiết bị nguồn điện | 99.51 | 99.92 | 99.87 | 99.77 |

II. Doanh thu (dự kiến) các công trình SXKD, dịch vụ năm 2021:

1. Doanh thu (dự kiến) các công trình kinh doanh năm 2021: 22,037 tỷ đồng

| TT | Nội dung | Doanh thu |
|----|--|---------------|
| 1 | Gói thầu số 15: Cải tạo, nâng cấp các công trình thiết yếu đoạn Km 1419+100 đến Km 1436+750 thuộc tỉnh Ninh Thuận. | 5.303.216.048 |
| 2 | Gói thầu số 18: Cải tạo, nâng cấp các công trình thiết yếu đoạn Km1522+890 đến Km1540+815 thuộc tỉnh Bình Thuận | 1.729.846.617 |

| | | |
|---|---|-----------------------|
| 3 | Gói thầu số 20: Cải tạo, nâng cấp các công trình thiết yếu đoạn Km 1582+022 đến Km 1614+300 thuộc tỉnh Bình Thuận | 9.849.779.372 |
| 4 | Tên gói thầu: XL-CY-02: Thi công 07 cầu thuộc địa phận tỉnh Khánh Hòa | 2.470.573.775 |
| 5 | Gói thầu: XL-CY-03: Thi công 07 cầu thuộc địa phận tỉnh Bình Thuận. | 1.444.318.475 |
| 6 | Gói thầu XL-CY-11: Thi công 14 cầu thuộc địa phận từ Phú Yên (cầu Km1178+984) đến Đồng Nai (cầu Km1699+245) | 1.239.265.713 |
| | Cộng | 22.037.791.796 |

2. Doanh thu (dự kiến) hoạt động kinh doanh, dịch vụ năm 2021: 4,44 tỷ đồng.

| TT | Tên công trình | Doanh thu dự kiến |
|----|--|----------------------|
| 1 | Dịch vụ phòng máy CMC | |
| 2 | Dịch vụ phòng máy HTC | 386.749.091 |
| 3 | Dịch vụ phòng máy SCTV | 259.200.000 |
| 4 | Hợp tác XD mạng thoại dịch vụ và hỗ trợ PCBL khu vực Đại Lãnh - Tuy Hòa - Xuân Lãnh | 41.018.182 |
| 5 | Hợp đồng hợp tác khu đất Hiệp Bình Phước, Quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh | 1.192.639.960 |
| 6 | Hợp đồng hợp tác khu nhà, đất 23 Thái Nguyên, Tp. Nha Trang, Khánh Hòa | 1.139.657.527 |
| 7 | Hợp đồng hợp tác với Cty TNHH Mạnh Hùng tòa nhà 23 Trần Phú, TX Long Khánh, tỉnh Đồng Nai | 207.272.727 |
| 8 | Hợp đồng hợp tác với Công ty Imas tầng trệt tòa nhà 01 Nguyễn Thông, P9, Q3, TP. Hồ Chí Minh | 316.800.000 |
| 9 | Hợp đồng hợp tác với Công ty Ý Tưởng Mộc tầng 1 tòa nhà 01 Nguyễn Thông, P9, Q3, TP. Hồ Chí Minh | 97.899.055 |
| 10 | Hợp đồng hợp tác với Công ty TNHH dịch vụ mua hàng quốc tế tầng 1 tòa nhà 01 Nguyễn Thông, P9, Q3, TP. Hồ Chí Minh | 30.109.091 |
| 11 | Hợp đồng hợp tác với Công ty vận tải đa phương thức tầng 1 tòa nhà 01 Nguyễn Thông, P9, Q3, TP. Hồ Chí Minh | 209.760.000 |
| 12 | Hợp đồng hợp tác với Công ty TNHH Luật Việt Tâm tầng 1 tòa nhà 01 Nguyễn Thông, P9, Q3, TP. Hồ Chí Minh | 30.109.091 |
| 13 | Hợp đồng cho thuê lắp đặt trạm BTS với Viettel Tp. HCM tại số 01 Nguyễn Thông, P9, Q3 | 80.727.273 |
| 14 | Hợp đồng cho thuê lắp đặt trạm BTS với TT Mobifone miền Nam tại số 01 Nguyễn Thông, P9, Q3, TP. Hồ Chí Minh | 81.818.182 |
| | Cộng | 4.440.160.655 |